

Bản án số: 06/2025/HS-PT
Ngày 21 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa:
Bà [Phạm Thị Minh H](#), Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 686/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo [Ngô Văn Đ](#) do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2025/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

[Ngô Văn Đ](#), sinh năm 1969; nơi ĐKKHTT: [Tổ dân phố Á, phường B, tỉnh Bắc Ninh](#) (địa chỉ trước khi sáp nhập: [Tổ dân phố Á, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Ngô Văn K](#) và bà [Ngô Thị H1](#); có vợ: [Đỗ Thị L](#) và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt truy nã ngày 18/5/2024, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - [Công an thành phố H](#); có mặt.

- Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

+ Người bào chữa cho bị cáo: Ông [Hoàng Ngọc Thanh B](#), luật sư của [Văn phòng L1](#), thuộc [Đoàn luật sư thành phố H](#); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 10 ngày 23/3/2006, tại khu vực ngã ba [cầu C, phường G, quận L, thành phố Hà Nội](#), Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - [Công an thành phố H](#) bắt quả tang [Nguyễn Văn T](#) (sinh năm 1973, trú tại: [Số B, cụm B, tổ C đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)) đang điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Lanos, biển kiểm soát 29S-4412 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán cho khách. Thu giữ tại sàn xe khu vực để chân ghế trước bên phải xe ô tô: 02 gói giấy nền màu vàng hình hộp chữ nhật có kích thước (14x10x2,5)cm bên trong chứa chất bột màu trắng.

Bản kết luận giám định số 572/PC21 ngày 05/4/2006 của [Phòng K1 - Công an thành phố H](#) kết luận:

“02 bánh chất bột màu trắng cân nặng: 700 gam là bột Heroine. Hàm lượng Heroine trung bình trong mỗi bánh là 52%”.

Quá trình điều tra xác định:

Đầu năm 2004, [Nguyễn Thị T1](#) (sinh năm 1979; ĐKHKT: [Cụm C, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội](#)) làm phiên dịch cho [Nguyễn Thị D](#) và [Nguyễn Lương D1](#) để mua bán ma túy với các đối tượng người Trung Quốc. Đến giữa năm 2004, [T1](#) tách ra khỏi [D](#) thuê phòng 203 [khách sạn K2](#) thuộc [thành phố B, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc](#) làm nơi tập kết và mua bán ma túy (Heroine). Đến giữa năm 2005, [T1](#) móc nối với đường dây mua bán ma túy mới với [Ngô Văn Đ](#) ([Đ](#) là người cung cấp ma túy từ Việt Nam vận chuyển sang Trung Quốc). Khi có Heroine cần bán, [Đ](#) liên lạc với [T1](#) để [T1](#) chào bán ma túy cho khách Trung Quốc. Thơm thống nhất giá cả, địa điểm giao nhận ma túy. Sau đó, [Đ](#) thuê [Nguyễn Văn T](#) và [Trình Văn P](#) (sinh năm 1956; trú tại: [Tổ C, khu phố A M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)) đến nhà ông [Ngô Văn K](#) (bố đẻ của [Đ](#), sinh năm 1942; trú tại: [Ngõ I M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)) lấy Heroine rồi mang đến địa điểm hẹn và nhận tiền của [T1](#) với tiền công khoảng 1.500.000 đồng/bánh Heroine.

Từ ngày 15 đến ngày 23/3/2006, theo sự chỉ đạo của [Đ](#), [T](#) đã 03 lần đến nhà ông [K](#) lấy ma túy, mỗi lần lấy 02 bánh Heroine rồi mang đến giao cho [T1](#) nhưng do chất lượng kém nên [T1](#) không mua.

Đối với chuyến thứ ba (ngày 22/3/2006), [Đ](#) gọi điện cho [T1](#) bảo có Heroine chất lượng và bảo [T1](#) chào hàng cho khách Trung Quốc. Thơm liên lạc và được các đối tượng khách Trung Quốc giao cho [T1](#) nhiệm vụ kiểm tra chất lượng. Khoảng 15 giờ ngày 23/03/2006, [T1](#) đi máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội. Khoảng 20 giờ cùng ngày, [T](#) gọi điện cho [T1](#) bảo đang ở [phòng B khách sạn H, phường B, quận L, thành phố Hà Nội](#) và yêu cầu [T1](#) đến kiểm tra Heroine. Sau đó, [T1](#) đi đến khách sạn gặp [T](#) kiểm tra chất lượng 02 bánh Heroine nhưng do chất lượng kém nên [T1](#) không mua. Trên [đường T](#) mang Heroine về đến khu vực [cầu C, quận L, thành phố Hà Nội](#) thì [T](#) bị kiểm tra, bắt giữ.

Sau khi sự việc xảy ra, [Ngô Văn Đ](#) đã bỏ trốn và đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - [Công an thành phố H](#) ra quyết định truy nã. Ngày 18/5/2024, [Ngô Văn Đ](#) bị bắt khi trở về địa phương thăm gia đình. Tại Cơ quan điều tra, [Ngô Văn Đ](#) thừa nhận hành vi mua bán trái phép 02 bánh ma túy Heroine với [Nguyễn Thị T1](#) vào ngày 22-23/3/2006, phù hợp với lời khai của [Nguyễn Thị T1](#), [Nguyễn Văn T](#),

[Trình Văn P](#), [Ngô Văn K](#) và bản kê chi tiết cuộc gọi giữa các đối tượng. Tuy nhiên, [Ngô Văn Đ](#) khai đây là lần đầu tiên mua bán trái phép chất ma túy của [Ngô Văn Đ](#) với [Nguyễn Thị T1](#); [Ngô Văn Đ](#) không biết và không liên quan đến việc mua bán Heroine 02 lần trước đó của [T](#), [P](#); không tham gia vào đường dây mua bán ma túy của [Nguyễn Lương D1](#).

Đối với 02 lần mua bán trái phép chất ma túy trước đó giữa [Ngô Văn Đ](#) và [Nguyễn Thị T1](#): Vụ việc xảy ra đã lâu, hiện nay chỉ có duy nhất lời khai của [Nguyễn Văn T](#) về việc trước đó còn 02 lần, mỗi lần 02 bánh mang Heroine của [Ngô Văn Đ](#) tới bán cho [Nguyễn Thị T1](#), tuy nhiên cả hai lần đều không bán được do chất lượng ma túy kém. Bản thân [Nguyễn Thị T1](#) hiện khai không nhớ những lần mua bán ma túy khác với [Ngô Văn Đ](#). [Ngô Văn K](#) và [Trình Văn P](#) khai chỉ một lần tham gia cùng [Đ](#) trong việc mua bán ma túy với [T1](#). [Ngô Văn Đ](#) không thừa nhận các lần mua bán ma túy khác với [T1](#), quá trình điều tra không thu giữ được vật chứng nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ làm rõ đối với [Ngô Văn Đ](#) về 02 lần mua bán trái phép chất ma túy này.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa [Ngô Văn Đ](#) với nhóm của [Nguyễn Lương D1](#): Vụ việc xảy ra đã lâu, chỉ có [D1](#) là người duy nhất biết rõ số lượng ma túy đã mua bán với [Đ](#). Tuy nhiên, [D1](#) hiện đã chết, quá trình điều tra trước đây không thu giữ được vật chứng, [Đ](#) không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy với [D1](#) nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ điều tra làm rõ.

Đối với [Nguyễn Thị T1](#), [Nguyễn Lương D1](#), [Nguyễn Văn T](#), [Trình Văn P](#), [Ngô Văn K](#): Tại Bản án số 414/2007/HSST ngày 29/11/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên phạt [Nguyễn Thị T1](#), [Nguyễn Lương D1](#), [Nguyễn Văn T](#) hình phạt tử hình; [Trình Văn P](#) hình phạt tù chung thân; [Ngô Văn K](#) hình phạt 20 năm tù cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo [P](#) không kháng cáo. Bản án số 201/2008/HSPT ngày 26/3/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã giữ nguyên quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo trên.

Bản cáo trạng số 113/CT-VKS-P1 ngày 03/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố [Ngô Văn Đ](#) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2025/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo [Ngô Văn Đ](#) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt: Bị cáo [Ngô Văn Đ](#) tử hình.

Bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/4/2025, bị cáo [Ngô Văn Đ](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo [Ngô Văn Đ](#) giữ nguyên kháng cáo và thừa nhận bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và không oan. Bị cáo xin giảm hình phạt với lý do mức án cao, muốn có cơ hội để lao động, cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo [Ngô Văn Đ](#) là trong hạn và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Do chính sách pháp luật có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội khóa 15 ban hành tại Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và điểm b khoản 1 Điều 4 của Luật này để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt xuống tù chung thân.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện công tố. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo [Ngô Văn Đ](#) trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo [Ngô Văn Đ](#) vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và tiếp tục thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm; biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Ngày 22/3/2006, [Ngô Văn Đ](#) đã thuê [Nguyễn Văn T](#) vận chuyển 02 bánh Heroine, khối lượng 700 gam nhằm mục đích để bán cho [Nguyễn Thị T1](#) tại khu vực [nhà nghỉ H2, phường G, quận L, thành phố Hà Nội](#). Do chất lượng ma túy kém, [T1](#) từ chối mua nên [T](#) đã mang ma túy về trả

lại cho [Đ](#). Khi đi đến khu vực ngã ba [cầu C, phường G, quận L, thành phố Hà Nội](#) thì [T](#) bị Cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo [Ngô Văn Đ](#) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo [Ngô Văn Đ](#), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là nguyên nhân gây ra những tội phạm khác nên cần phải hình có phạt nghiêm khắc đối với bị cáo đồng thời cũng là để phòng ngừa chung. Bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho yêu cầu kháng cáo của mình. Với khối lượng Heroine mua bán trái phép là 700 gam, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt cao nhất là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

[2.3] Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội khóa 15 ban hành ngày 25/6/2025 sửa đổi đối với điểm b khoản 4 Điều 251 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như sau: “4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân: ... b) Heroine, [C](#), Methamphetamine, [A](#), Ketamine, [E](#), MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kg;” và tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Luật này về “Điều khoản chuyển tiếp” đã quy định: “Những quy định có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện hoặc đang bị điều tra, truy tố, xét xử”. Do đó, căn cứ vào sự thay đổi của pháp luật hình sự, đảm bảo có lợi cho bị cáo [Ngô Văn Đ](#); Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, quan điểm của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm để giảm nhẹ hình phạt, xử phạt tù chung thân đối với bị cáo [Ngô Văn Đ](#).

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo: Bị cáo [Ngô Văn Đ](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 18 Điều 1 và điểm b khoản 1 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội khóa 15 ban hành tại Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Ngô Văn Đ](#). Sửa quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2025/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo [Ngô Văn Đ](#) như sau:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố: Bị cáo [Ngô Văn Đ](#) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt: Bị cáo [Ngô Văn Đ](#) tù chung thân; thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2024.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo [Ngô Văn Đ](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện CT & Kiểm sát XXPT tại Hà Nội;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- THADSTP Hà Nội;
- Cơ quan THAHSCATP Hà Nội;
- TTG Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HSVA, P.HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Thành

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Thanh

Đặng Văn Hưng

Nguyễn Nam Thành

